

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

TÌM HIỂU MỘT SỐ LỖI NGỮ PHÁP TIẾNG VIỆT CỦA SINH VIÊN TRUNG QUỐC QUA CÁC BÀI VIẾT LUẬN

LƯU HUYỀN TRANG*

TÓM TẮT: Bài viết bước đầu tìm hiểu một số lỗi ngữ pháp tiếng Việt của sinh viên Trung Quốc thông qua việc tiến hành khảo sát 60 bài viết luận của 60 sinh viên Trung Quốc trình độ trung cấp đang học tại khoa Việt Nam học, Trường Đại học Hà Nội. Qua đó, chúng tôi hi vọng góp thêm một ngữ liệu nhỏ vào kho ngữ liệu lỗi của người nước ngoài học tiếng Việt nói chung và người Trung Quốc nói riêng, góp phần giúp các đồng nghiệp đang giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ hiểu thêm về các lỗi ngữ pháp mà sinh viên Trung Quốc thường mắc phải, từ đó tìm ra những biện pháp giúp sinh viên lĩnh hội tiếng Việt tốt hơn.

TỪ KHÓA: lỗi tiếng Việt của người nước ngoài; lỗi của người Trung Quốc học tiếng Việt; lỗi ngữ pháp; phân tích lỗi.

NHẬN BÀI: 08/01/2024.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 12/06/2024

1. Mở đầu

Lỗi là hiện tượng không thể tránh khỏi trong quá trình học một ngôn ngữ khác không phải tiếng mẹ đẻ. Lỗi cũng chính là biểu hiện ra bên ngoài của việc người học chưa đạt được chuẩn ngôn ngữ trong học tập và sử dụng ngoại ngữ. Trong quá trình giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ cho học viên nước ngoài nói chung và học viên Trung Quốc nói riêng, chúng tôi nhận thấy việc mắc lỗi khi diễn đạt tiếng Việt của học viên nước ngoài là khá phổ biến, thậm chí có những lỗi nghiêm trọng có thể làm cho người nói không đạt được mục tiêu giao tiếp và gây ra những hiểu lầm không đáng có.

Là giáo viên đang trực tiếp giảng dạy tiếng Việt cho đối tượng sinh viên học tiếng Việt như một ngoại ngữ tại Khoa Việt Nam học, Trường Đại học Hà Nội, chúng tôi đặc biệt quan tâm đến những khó khăn của sinh viên Trung Quốc - đối tượng học viên chiếm số lượng đông đảo nhất, nhằm phát hiện những lỗi thường xuyên, hệ thống, từ đó tiến hành phân tích, tìm nguyên nhân của những khó khăn này và xây dựng giải pháp giúp sinh viên có thể lĩnh hội tiếng Việt một cách hiệu quả hơn.

Trong khuôn khổ bài viết, chúng tôi bước đầu đi tìm hiểu lỗi ngữ pháp của các sinh viên Trung Quốc thông qua việc tiến hành khảo sát các bài viết luận của 60 sinh viên Trung Quốc trình độ trung cấp đang học tập tại Khoa Việt Nam học - Trường Đại học Hà Nội.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Khái niệm “lỗi” và “lỗi ngữ pháp”

Bài viết sử dụng định nghĩa chung về “lỗi” trong *Từ điển ngôn ngữ học ứng dụng* (Longman Dictionary of Applied Linguistics) của Jack Richards, John Platt, Heidi Weber, Nhà xuất bản Longman năm 1985: “Lỗi của người học trong khi nói hoặc viết một ngôn ngữ (chẳng hạn như một từ, một đơn vị ngữ pháp, một hoạt động nói năng...) bằng cách mà người bản ngữ hoặc người giỏi thứ tiếng đó cho là sai hoặc cho là chưa đầy đủ.” [tr.95].

Như vậy, “lỗi ngữ pháp” có thể được hiểu là hiện tượng sử dụng sai hoặc chưa đầy đủ một hay một số đơn vị ngữ pháp, không tuân theo cấu trúc ngữ pháp chuẩn gây ra lỗi trong việc tổ chức, sắp xếp câu, các thành phần trong câu hoặc các ngữ đoạn trong câu.

2.2. Lý thuyết “phân tích lỗi”

Bài viết của chúng tôi lấy lý thuyết về “phân tích lỗi” của Pit Corder (1981) làm cơ sở lý thuyết. Theo Pit Corder (1981), “lỗi là biểu hiện của sự tiến bộ trong quá trình học ngôn ngữ. Người học tạo ra các biến thể giao tiếp của ngôn ngữ mục tiêu dựa trên kiến thức từ ngôn ngữ mẹ đẻ và quá trình tiếp thu ngôn ngữ mục tiêu.” [tr.161]. Tuy nhiên, cũng phải nói thêm rằng, Pit Corder không coi những lệch lạc, khác biệt, phá cách trong phát ngôn của người học ngôn ngữ thứ hai là “lỗi”, ông chỉ gọi đó là “phương ngữ đặc trưng” (idiosyncratic dialect) hay “ngôn ngữ trung gian” (interlanguage)

*Trường Đại học Hà Nội; Email: tranglh@hanu.edu.vn

của người học. Tuy nhiên, do thuật ngữ “lỗi” đã quá quen thuộc nên tác giả tạm gọi lí thuyết đó là lí thuyết “phân tích lỗi”.

2.2.1. Ý nghĩa của phân tích lỗi

Theo Pit Corder (1981) việc phân tích lỗi có nhiều ý nghĩa tích cực với cả người học, người dạy và các nhà nghiên cứu. Chẳng hạn:

- Đối với giáo viên: bằng việc phân tích có hệ thống các lỗi của người học, người giáo viên sẽ hiểu được người học đã tiến bộ như thế nào và cần học những gì để đến được mục tiêu đề ra.

- Đối với các nhà nghiên cứu: lỗi cung cấp cho các nhà nghiên cứu các bằng chứng về cách mà ngôn ngữ được học hoặc tiếp thụ, các chiến lược hoặc quy trình mà người học sử dụng trong quá trình khám phá ngôn ngữ của mình.

- Đối với bản thân người học: “lỗi” được xem như một cách để người học kiểm chứng được các giả thuyết của mình về ngôn ngữ đang học là đúng hay sai, và từ đó việc mắc lỗi được coi như là một chiến lược học ngôn ngữ được cả trẻ em học tiếng mẹ đẻ và người học ngôn ngữ thứ hai sử dụng.

2.2.2. Tiến trình phân tích lỗi

Tiến trình phân tích lỗi có ba giai đoạn, bao gồm: nhận diện và xác định lỗi, miêu tả lỗi và giải thích lỗi.

- *Giai đoạn nhận diện và xác định lỗi* là giai đoạn quan trọng đầu tiên. Pit Corder chia lỗi làm 2 loại: sai tiềm tàng (covertly idiosyncratic) và sai lộ rõ (overtly idiosyncratic) theo cách dịch của Nguyễn Thiện Nam (2000). Trong đó, sai tiềm tàng là những câu ổn về mặt cấu trúc nhưng vẫn sai (diễn đạt sai ý nghĩa hoặc không đúng ngữ cảnh), còn câu sai lộ rõ thì thể hiện ngay ở bề mặt cấu trúc của nó. Chúng tôi thực hiện nhận diện và xác định lỗi theo các bước được Pit Corder đề xuất, cụ thể:

Ở trường hợp sai tiềm tàng, chúng tôi xây dựng lại một câu đúng mà một người bản ngữ dùng để diễn đạt cùng một ý nghĩa trong tình huống cụ thể được chỉ định.

Đối với các câu sai lộ rõ, tức là những câu bề ngoài “không đúng định dạng” theo các quy tắc của tiếng Việt, chúng tôi cố gắng đưa ra một cách giải thích hợp lí cho ý nghĩa của câu đó, trong ngữ cảnh đó. Và trong trường hợp mọi phán đoán không đúng, chúng tôi tìm về tiếng mẹ đẻ của người học để xác định đúng ý nghĩa mà người học muốn truyền đạt, sau đó diễn đạt lại câu đó sang một câu có ngữ pháp chuẩn tiếng Việt. Khi đó chúng tôi có một cặp câu để so sánh: câu của người học và câu được chữa lại đúng theo quy tắc của tiếng Việt.

Pit Corder cũng khẳng định, điểm kết thúc của quá trình xác định lỗi là thu thập được các cặp câu: câu của người học và câu được chữa, cùng ý nghĩa.

- *Giai đoạn thứ hai: Miêu tả.* Các cặp câu thu được ở giai đoạn một chính là ngữ liệu dùng trong miêu tả lỗi. Phương pháp miêu tả, về cơ bản là so sánh song ngữ. Trong đó, hai ngôn ngữ (ngôn ngữ trung gian của người học và ngôn ngữ đích - tiếng Việt) được mô tả dưới dạng một tập hợp các phạm trù và quan hệ chung.

- *Giai đoạn 3: Giải thích.* Nếu hai giai đoạn đầu của phân tích lỗi thuộc về ngôn ngữ học thì giai đoạn thứ ba là ngôn ngữ tâm lí. Ở giai đoạn này, chúng tôi cố gắng tìm các nguyên nhân gây nên những lỗi sai của người học trên nhiều phương diện. Theo Nguyễn Thiện Nam (2000), có năm nguyên nhân dẫn đến lỗi sai của người nước ngoài học tiếng Việt, bao gồm: chuyển di, chiến lược giao tiếp, chiến lược học tập, vượt tuyến và chuyển di giảng dạy.

2.2.3. Phân loại lỗi

Có nhiều cách phân loại lỗi khác nhau, tuy nhiên trong bài viết này, chúng tôi phân loại các lỗi ngữ pháp của sinh viên Trung Quốc dựa vào các đơn vị ngữ pháp. Theo tác giả Nguyễn Thiện Nam (2000), theo cách phân loại dựa vào các đơn vị ngữ pháp, lỗi ngữ pháp được chia thành nhiều loại: lỗi về đại từ nhân xưng, lỗi về loại từ, lỗi về hư từ, lỗi về trật tự từ, lỗi về trật tự thành phần câu,... [tr.17,18].

Trong khảo sát của mình, chúng tôi thu nhận được các loại lỗi ngữ pháp của sinh viên Trung Quốc và phân chúng thành các loại: lỗi hư từ, lỗi trật tự (bao gồm lỗi trật tự ngữ đoạn và lỗi trật tự thành phần câu), lỗi nòng cốt câu và các loại lỗi khác.

3. Nội dung

3.1. Đối tượng và phạm vi khảo sát

Chúng tôi bước đầu tìm hiểu lỗi ngữ pháp của sinh viên Trung Quốc bằng cách tiến hành khảo sát và thu thập ngữ liệu về lỗi ngữ pháp của 60 sinh viên Trung Quốc trình độ trung cấp đang học tại Khoa Việt Nam học - Trường Đại học Hà Nội thông qua 60 bài viết luận (150-200 chữ/ bài) của các sinh viên này.

3.2. Kết quả khảo sát

Tiến hành khảo sát 60 bài viết luận của 60 sinh viên Trung Quốc trình độ trung cấp đang học tại Khoa Việt Nam học, chúng tôi thu được 154 lỗi ngữ pháp. Sau đó, chúng tôi tiến hành phân chia 154 lỗi này thành 4 nhóm: lỗi hư từ, lỗi trật tự (trật tự câu và trật tự ngữ đoạn), lỗi thiếu/thừa nòng cốt câu (thiếu/thừa chủ ngữ/ vị ngữ) và các loại lỗi khác.

Bảng 1. Thống kê các loại lỗi ngữ pháp của sinh viên Trung Quốc

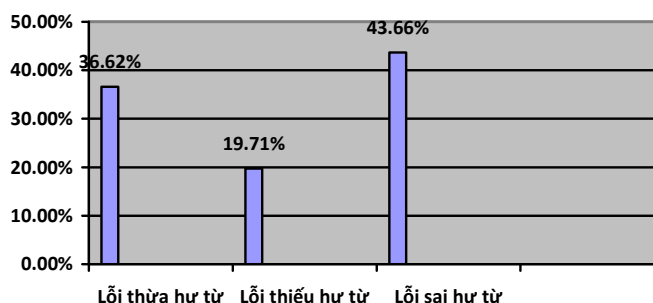
Loại lỗi	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Lỗi hư từ	71	46,10
Lỗi trật tự	32	20,78
Lỗi thiếu/ thừa nòng cốt câu	44	28,57
Các lỗi khác	7	4,55
Tổng	154	100%

Kết quả khảo sát cho thấy, hầu hết sinh viên Trung Quốc trình độ trung cấp đều mắc lỗi ngữ pháp, trung bình mỗi bài luận 150 - 200 chữ xuất hiện 2.5 lỗi ngữ pháp. Trong đó, lỗi hư từ chiếm tỉ lệ cao nhất (46,10%), sau đó lần lượt là lỗi thiếu/thừa nòng cốt câu (28,57%), lỗi trật tự (20,77%) và các loại lỗi ngữ pháp khác (chiếm 4,54%). Điều này cho thấy, việc hiểu và sử dụng chính xác các hư từ tiếng Việt thật sự là một thử thách đối với sinh viên Trung Quốc. Tỉ lệ mắc lỗi thiếu/thừa nòng cốt câu cao hơn tỉ lệ mắc lỗi trật tự cũng là một điều đáng được các thầy cô giáo lưu tâm khi giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ cho người nước ngoài nói chung và sinh viên Trung Quốc nói riêng.

3.2.1. Lỗi hư từ

Theo tác giả Diệp Quang Ban (2009) trong cuốn “Ngữ pháp Việt Nam”, lớp hư từ gồm các từ loại với mức độ “hư” khác nhau, như: phụ từ, quan hệ từ, tiêu từ tình thái, thán từ. Các từ này không có ý nghĩa từ vựng cụ thể, không có khả năng làm thành tổ chính trong các cụm từ chính phụ và một mình hư từ thì không có khả năng đảm nhiệm chức vụ cú pháp (trừ một số trường hợp khi thành tổ chính bị tỉnh lược). Cũng có thể bởi hư từ không có ý nghĩa từ vựng cụ thể và bao gồm nhiều từ loại như vậy nên số lượng mắc lỗi hư từ của sinh viên Trung Quốc là nhiều hơn cả.

Ở lỗi hư từ, chúng tôi lại chia thành 03 tiểu loại: lỗi thiếu hư từ, lỗi thừa hư từ và lỗi dùng sai hư từ. Trong đó, tỉ lệ các loại lỗi này được phân bố như sau:



Biểu đồ 1. Tỉ lệ các loại lỗi hư từ của sinh viên Trung Quốc

3.2.1.1. Lỗi thừa hư từ

Chúng tôi thu được 26 lỗi thừa hư từ trong tổng số 71 lỗi về hư từ, chiếm 3,62%. Dưới đây là một số câu thừa hư từ tiêu biểu:

- (1) *Bạn tôi chỉ biết nói một ít tiếng Việt nhưng đã làm cho người bán hàng giảm giá rồi.*
- (2) *Tôi cảm thấy cô ấy thật là lợi hại quá!*
- (3) *Ở đây, chúng tôi có thể làm quen rất nhiều bạn bè của Việt Nam.*
- (4) *Chuyến du lịch đáng nhớ nhất của tôi thì là đi đảo Hải Linh.*
- (5) *Tôi có thể làm việc với tôi thích.*

Ở câu số (1), phó từ chỉ quan hệ thời gian “rồi” mang sắc thái khẩu ngữ và không nên xuất hiện trong văn bản viết. Tuy nhiên, sinh viên Trung Quốc có thói quen dùng “rồi” để kết thúc câu như cách dùng của trợ từ “了” của tiếng Trung.

Câu số (2), sinh viên mắc lỗi sai thừa hư từ do dùng đồng thời hai phó từ chỉ mức độ là “thật là” và “quá” trong cùng một câu. Với câu số (3), ở đây, rõ ràng từ “của” đã bị sinh viên hiểu sai chức năng ngữ pháp và ý nghĩa dẫn đến việc sử dụng khi không cần thiết. Nguyên nhân có thể là do sinh viên bị ảnh hưởng bởi tiếng mẹ đẻ. Để biểu đạt quan hệ sở hữu, tiếng Trung có trợ từ “的”, tiếng Việt có quan hệ từ “của”. Tuy nhiên, ngoài ý nghĩa biểu đạt quan hệ sở hữu, “的” của tiếng Trung còn được dùng làm từ nối giữa thành phần định ngữ và thành tố chính trong cụm danh từ. Có lẽ vì vậy mà sinh viên Trung Quốc có xu hướng thêm “của” vào cụm danh từ trong tiếng Việt, gây ra lỗi thừa từ như trên. Tương tự như vậy ở câu số (4), hư từ “thì” cũng bị dùng thừa do sinh viên nhầm lẫn hai đơn vị ngữ pháp của tiếng Việt và tiếng Trung, cụ thể là “thì” của tiếng Việt mang ý nghĩa như một liên từ và từ “就” của tiếng Trung mang ý nghĩa nhấn mạnh. Ở câu số (5), quan hệ từ “với” hoàn toàn không cần thiết, hoặc cũng có khả năng sinh viên bị nhầm lẫn quan hệ từ “với” và “mà”. Câu số (5) có thể sửa thành: “*Tôi có thể làm việc tôi thích.*” (không cần “với”) hoặc “*Tôi có thể làm việc mà tôi thích.*” (thay bằng “mà”).

3.2.1.2. Lỗi thiếu hư từ

Ở lỗi thiếu hư từ, chúng tôi thu thập được 14 lỗi, chiếm 19,71% tổng số lỗi về hư từ.

- (6) *Trong lớp, sinh viên đều dùng điện thoại để tìm kiếm thông tin.*
Câu sửa: Trong lớp, các sinh viên đều dùng điện thoại để tìm kiếm thông tin.
- (7) *Bạn có cơ hội thì bạn đến Quế Lâm du lịch.*
Câu sửa: Nếu có cơ hội thì bạn hãy đến Quế Lâm du lịch một lần.
- (8) *Tôi cảm thấy lo lắng đây là lần đầu tiên đến Việt Nam.*
Câu sửa: Tôi cảm thấy lo lắng vì đây là lần đầu tiên đến Việt Nam.
- (9) *Người Trung Quốc đều quen thuộc điều này.*
Câu sửa: Người Trung Quốc đều quen thuộc với điều này.

Ở câu số (6), để câu hoàn chỉnh, đúng ngữ pháp và hợp ngữ cảnh, người viết nên bổ sung hư từ chỉ quan hệ số lượng “các” hoặc “mọi” phía trước danh từ. Trong câu số (7) và số (8), sinh viên sử dụng thiếu quan hệ từ “nếu” (trong câu (7)) và “vì” (trong câu (8)) để diễn đạt ý nghĩa phụ thuộc (câu (7) - nguyên nhân, câu (8) - điều kiện) và nối kết các mệnh đề trong câu ghép. Câu số (9), có thể do sinh viên chưa có đủ vốn từ nên đã không biết cần phải dùng thêm hư từ “với” để liên kết động từ “quen thuộc” với bổ ngữ của nó.

3.2.1.3 Lỗi sai hư từ

Trong tổng số 71 lỗi hư từ của sinh viên Trung Quốc, chúng tôi thu được 31 lỗi dùng sai hư từ, chiếm tỉ lệ 43,66%. Có thể nói, sinh viên Trung Quốc có xu hướng gặp khó khăn khi chọn lựa sửa dụng hư từ khi diễn đạt tiếng Việt. Chúng ta hãy cùng xem các câu sai hư từ dưới đây của sinh viên:

- (10) *Mọi sinh viên đều bị ảnh hưởng vì giáo viên.*
Câu sửa: Mọi sinh viên đều bị ảnh hưởng bởi giáo viên.

(11) *Em rất thích những nơi yên bình thì em đã chọn thành phố Hợp Phì, tỉnh An Huy để đi du lịch.*

Câu sửa: Em rất thích những nơi yên bình nên em đã chọn thành phố Hợp Phì, tỉnh An Huy để đi du lịch.

(12) Trong mùa hè, thời tiết rất nóng.

Câu sửa: Vào mùa hè, thời tiết rất nóng.

(13) Tôi đi du lịch với tiền của công ty.

Câu sửa: Tôi đi du lịch bằng tiền của công ty.

(14) Mặc dù ở nơi nào, chỉ cần có tín hiệu wifi là bạn có thể tìm kiếm thông tin mà mình muốn biết.

Câu sửa: Dù ở nơi nào, chỉ cần có tín hiệu wifi là bạn có thể tìm kiếm thông tin mà mình muốn biết.

(15) Giải quyết vấn đề này không phải thời gian ngắn thì làm được mà cần có thời gian lâu dài.

Câu sửa: Giải quyết vấn đề này không phải thời gian ngắn mà làm được mà cần có thời gian lâu dài.

Theo chúng tôi, dẫn đến các lỗi sai hư từ như trên có thể do các nguyên nhân là:

+ Chuyển di tiêu cực từ tiếng mẹ đẻ: câu (11), câu (15);

+ Lí do chủ quan từ sinh viên: chưa có đủ kiến thức hoặc kiến thức chưa chắc, sinh viên chưa phân biệt được các từ có nét nghĩa giống nhau nhưng vẫn có điểm khác biệt: câu (10) - nhầm lẫn giữa “vì” và “bởi”, câu (12) - nhầm lẫn giữa “trong” và “vào”, câu (13) - nhầm lẫn giữa “với” và “bằng”, câu (14) - nhầm lẫn giữa “mặc dù” và “dù”.

3.2.2. Lỗi trật tự

Chúng tôi thu thập được tổng số 32 lỗi về trật tự trong tổng số 154 lỗi các loại, chiếm 20.77%. Trong lỗi, chúng tôi nhận thấy sinh viên sai trật tự ở 03 dạng: sai trật tự trong ngữ đoạn danh từ, sai trật tự trong cụm ngữ đoạn vị từ và sai trật tự thành phần câu. Trong đó, tỉ lệ các lỗi này như sau:

Bảng 2. Thống kê các loại lỗi trật tự của sinh viên Trung Quốc

Loại lỗi	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Lỗi sai trật tự trong ngữ đoạn danh từ	10	31,25
Lỗi sai trật tự trong ngữ đoạn vị từ	20	62,50
Lỗi sai trật tự thành phần câu	2	6,25
Tổng	32	100

3.2.2.1. Lỗi sai trật tự trong ngữ đoạn danh từ

Như chúng ta đã biết, trật tự trong ngữ đoạn danh từ của tiếng Trung và tiếng Việt có sự khác biệt rõ rệt. Ở tiếng Trung, trật tự cụm danh từ là: “thành phần bổ nghĩa - danh từ chính”, còn trong tiếng Việt thì ngược lại, danh từ làm yếu tố chính sẽ đứng trước thành phần bổ nghĩa của nó. Có lẽ vì lí do này nên sinh viên khi học và sử dụng tiếng Việt bị ảnh hưởng tiêu cực từ tiếng mẹ đẻ, từ đó tạo ra các lỗi về trật tự trong ngữ đoạn danh từ như các ví dụ sau:

(16) Nam Ninh là một đẹp thành phố.

Câu sửa: Nam Ninh là một thành phố đẹp.

(17) Giao tiếp kĩ năng của sinh viên chưa tốt.

Câu sửa: Kĩ năng giao tiếp của sinh viên chưa tốt.

(18) Sông Yongjiang nằm ở thành phố trung tâm.

Câu sửa: Sông Yongjiang nằm ở trung tâm thành phố.

(19) Chúng tôi của sách không nhiều nên chúng tôi cần đi thư viện để mượn sách.

Câu sửa: Sách của chúng tôi không nhiều.

(20) Tôi thích nhất dịch vụ là bảo hiểm y tế.

Câu sửa: Dịch vụ tôi thích nhất là bảo hiểm y tế.

Ở những ví dụ trên, chúng ta có thể dễ dàng nhận ra rằng, ở trình độ trung cấp vẫn có một bộ phận sinh viên Trung Quốc mắc lỗi sai trật tự trong ngữ đoạn danh từ tiếng Việt. Với lỗi sai này, chúng tôi nhận định, giao thoa ngôn ngữ giữa tiếng Việt và tiếng mẹ đẻ của sinh viên là nguyên nhân chính.

3.2.2.2. Lỗi sai trật tự trong ngữ đoạn vị từ

Theo kết quả khảo sát của chúng tôi, lỗi sai trật tự trong ngữ đoạn vị từ của sinh viên Trung Quốc trình độ trung cấp chiếm tỉ lệ cao nhất (62,50%) trong các lỗi sai về trật tự. Tương tự như với lỗi sai trật tự trong ngữ đoạn danh từ, nguyên nhân dẫn đến lỗi sai trật tự trong ngữ đoạn vị từ của sinh viên Trung Quốc cũng có thể được lí giải dưới góc độ giao thoa ngôn ngữ. Nếu như ở tiếng Việt, thành phần trạng ngữ chỉ đối tượng, phương tiện đứng sau động từ chính tạo thành “*nói chuyện với bạn*”, “*đi bằng xe tắc xi*” thì trong tiếng Trung, thành phần trạng ngữ chỉ đối tượng, phương tiện lại đứng trước động từ trung tâm, ví như “*với bạn nói chuyện*” “*与朋友交谈*”, “*ngồi xe tắc-xi đi*” “*乘出租车去*”. Những câu sai dưới đây là ví dụ:

(21) *Tuần trước, tôi đã cùng bạn bè đi du lịch.*

Câu sửa: *Tuần trước, tôi đã đi du lịch cùng bạn bè.*

(22) *Từ Nam Ninh bạn có thể bằng xe buýt sang Việt Nam.*

Câu sửa: *Từ Nam Ninh, bạn có thể sang Việt Nam bằng xe buýt.*

(23) *Nếu nghiệm điện thoại thông minh, con người sẽ ngày càng không với nhau nói chuyện.*

Câu sửa: *Nếu nghiệm điện thoại thông minh, con người sẽ ngày càng không nói chuyện với nhau.*

(24) *Tất cả mọi người đều sử dụng điện thoại thông minh nói chuyện.*

Câu sửa: *Tất cả mọi người đều nói chuyện bằng điện thoại di động/ qua điện thoại di động.*

Ngoài những dạng câu sai này, chúng tôi cũng thu thập được những câu sai trật tự trong ngữ đoạn vị từ như sau:

(25) *Khi cô ấy biết tôi bị ốm, cô ấy ngay đưa tôi đi khám bệnh.*

Câu sửa: *Khi biết tôi bị ốm, cô ấy đưa tôi đi khám bệnh ngay.*

(26) *Nam Ninh có luôn luôn ít nhất 250 người Việt Nam.*

Câu sửa: *Nam Ninh luôn luôn có ít nhất 250 người Việt Nam.*

(27) *Em nhất thích dịch vụ du lịch.*

Câu sửa: *Em thích nhất dịch vụ du lịch.*

(28) *Chúng ta phải chú ý hợp lí sử dụng Internet.*

Câu sửa: *Chúng ta phải chú ý sử dụng hợp lí Internet.*

(29) *Một số người còn quá mức sử dụng Internet.*

Câu sửa: *Một số người còn sử dụng Internet quá mức.*

(30) *Vì vậy, tôi kêu gọi các bạn nhiều làm việc.*

Câu sửa: *Vì vậy, tôi kêu gọi các bạn làm việc nhiều.*

Những câu sai này khả năng cao cũng là do sự khác biệt giữa trật tự ngữ đoạn vị từ của tiếng Việt và tiếng Trung cũng như thói quen sử dụng các quy tắc ngữ pháp trong tiếng mẹ đẻ khi nói, viết tiếng Việt của sinh viên.

3.2.1.4. Lỗi sai trật tự thành phần câu

Ở lỗi sai trật tự thành phần câu, chúng tôi chỉ thu 03 lỗi sai trật tự thành phần trạng ngữ trong câu, đó là:

(31) *Chúng tôi ở phòng 512 học tiếng Việt.*

Câu sửa: *Chúng tôi học tiếng Việt ở phòng 512.*

(32) *Tôi ở Trung Quốc không có bạn. Tôi ở Việt Nam làm quen được rất nhiều bạn.*

Câu sửa: *Ở Trung Quốc, tôi không có bạn. Ở Việt Nam, tôi làm quen được với rất nhiều bạn.*

Trạng ngữ câu chỉ nơi chốn trong tiếng Việt có thể đặt đầu câu hoặc cuối câu chứ không thể ở giữa chủ ngữ và động từ vị ngữ. Tuy nhiên, có thể do sinh viên hiểu lầm “*ở phòng 512*”, “*ở Trung Quốc*”, “*ở Việt Nam*” là ngữ đoạn vị từ với động từ trung tâm “*ở*” của chủ ngữ “*chúng tôi*”, “*tôi*” trước nó nên dẫn đến các câu sai như trên.

Lỗi này chỉ chiếm chưa đến 7% tổng số lỗi sai cho thấy sinh viên Trung Quốc trình độ trung cấp đã nắm bắt được ở mức nhất định vị trí của các thành phần câu trong tiếng Việt.

3.2.3. Lỗi thiếu/ thừa nòng cốt câu

Theo kết quả khảo sát, chúng tôi thu thập được 44 lỗi thuộc nòng cốt câu, chiếm 28,57% tổng các loại lỗi của sinh viên Trung Quốc. Lỗi nòng cốt câu có 4 dạng: thiếu chủ ngữ, thiếu vị ngữ, thiếu hoàn toàn nòng cốt câu và thừa động từ vị ngữ. Tỷ lệ các dạng lỗi này như sau:

Bảng 3. Thống kê các loại lỗi nòng cốt câu của sinh viên Trung Quốc

Loại lỗi	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Lỗi thiếu chủ ngữ	27	61,36
Lỗi thiếu vị ngữ	9	20,45
Lỗi thiếu hoàn toàn nòng cốt câu	4	9,10
Lỗi thừa động từ vị ngữ	4	9,10
Tổng	44	100

3.2.3.1. Lỗi thiếu chủ ngữ

Lỗi thiếu chủ ngữ là loại lỗi chúng tôi thu thập được nhiều nhất trong các loại lỗi về nòng cốt câu, chiếm tới 61,36%.

Khi tiếp xúc và giảng dạy sinh viên Trung Quốc, chúng tôi nhận thấy rằng, sinh viên Trung Quốc có xu hướng lược bỏ chủ ngữ khi giao tiếp. Điều này đôi khi làm cho người nghe cảm thấy hơi khó chịu và không được tôn trọng. Tuy nhiên, trên thực tế, khi giao tiếp với những người có mối quan hệ thân thiết, gần gũi, người Trung Quốc có thói quen tỉnh lược chủ ngữ, ví dụ: “đi rồi” (吃了), “đang học” (在学), “sẽ làm” (会做). Tuy nhiên, trong tiếng Việt, việc tỉnh lược chủ ngữ là không nên và hầu như là không được sử dụng trong văn viết mang phong cách nghiêm túc, trang trọng. Chúng ta hãy cùng xem các câu sai do thiếu chủ ngữ của sinh viên Trung Quốc dưới đây:

(33) *Hiện nay đã ở đây, rất vui được sống và học tập ở Trường Đại học Hà Nội.*

Câu sửa: *Hiện nay, tôi đã ở đây. Tôi rất vui được sống và học tập ở Trường Đại học Hà Nội.*

(34) *Đồng thời có rất nhiều món ăn ngon.*

Câu sửa: *Nam Ninh có rất nhiều món ăn ngon.*

(35) *Cũng có thể sang Việt Nam bằng máy bay.*

Câu sửa: *Bạn có thể sang Việt Nam bằng máy bay.*

(36) *Là một món ăn đặc sắc.*

Câu sửa: *Phở Lão Hữu (Nam Ninh, Trung Quốc) là một món ăn đặc sắc.*

(37) *Gặp vấn đề khó khăn đều có thể đi tìm cô ấy.*

Câu sửa: *Khi gặp vấn đề khó khăn, tôi đều có thể tìm đến cô ấy.*

Như vậy có thể thấy rằng, văn hóa giao tiếp khác biệt giữa các quốc gia cũng có thể là nguyên nhân gây ra các lỗi sai của sinh viên khi học ngoại ngữ.

3.2.3.2. Lỗi thiếu động từ vị ngữ

Trong khảo sát của mình, chúng tôi thu về các lỗi sai do thiếu động từ vị ngữ như sau:

(38) *Canh của phở Lão Hữu vị chua.*

Câu sửa: *Nước dùng của phở Lão Hữu có vị chua.*

(39) *Nếu nhân dân cuộc sống khó khăn thì quốc gia cũng khó khăn.*

Câu sửa: *Nếu nhân dân có cuộc sống khó khăn thì quốc gia cũng khó khăn.*

(40) *Gió sông chúng tôi cảm thấy thoải mái.*

Câu sửa: *Gió sông lâm chúng tôi cảm thấy thoải mái.*

(41) *Nam Ninh nhiều hoa quả, như: nho, đu đủ,...*

Câu sửa: *Nam Ninh có nhiều hoa quả, như: nho, đu đủ,...*

Với những lỗi sai này, chúng tôi phải căn cứ vào ngữ cảnh cụ thể bằng cách đọc toàn bộ bài luận của sinh viên để đoán biết được nội dung mà sinh viên cần truyền đạt.

Lỗi thiếu động từ vị ngữ chúng tôi thu thập được 9 trên tổng 44 lỗi sai về nòng cốt câu, chiếm 20,45%.

3.2.3.3. Lỗi thiếu hoàn toàn nòng cốt câu

Ở lỗi thiếu hoàn toàn nòng cốt câu, chúng tôi thu về được 4 trường hợp:

(42) *một bữa tiệc gia đình*

(43) *để người nhà không cần lo lắng*

(44) *một tình trạng phổ biến của người trẻ*

(45) *với việc giảm dân số trẻ và tăng dân số già*

Rõ ràng, đây chỉ là những ngữ đoạn, không phải là một câu có cấu trúc và ý nghĩa hoàn chỉnh. Để làm thành câu hoàn chỉnh có nghĩa, người viết cần bổ sung chủ ngữ, vị ngữ và các thành phần câu khác nếu cần.

3.2.3.4. Lỗi thừa động từ vị ngữ

Trong quá trình khảo sát, chúng tôi cũng thu về 4 trường hợp sai cho thừa động từ vị ngữ như sau:

(46) *Quảng Tây là rất đẹp.*

Câu sửa: *Quảng Tây rất đẹp.*

(47) *Chúng tôi có uống cà phê và ăn phở.*

Câu sửa: *Chúng tôi uống cà phê và ăn phở.*

(48) *Chúng tôi thay mặc áo rồi đi biển bơi.*

Câu sửa: *Chúng tôi thay quần áo rồi đi bơi.*

(49) *Điện thoại di động mang lại có một số vấn đề.*

Câu sửa: *Điện thoại di động mang lại một số vấn đề bất cập.*

Giống như lỗi thiếu hoàn toàn nòng cốt câu, lỗi thừa động từ vị ngữ chỉ chiếm một phần rất nhỏ trong tổng số lỗi chúng tôi thu thập được (4 trường hợp/ tổng số 154 trường hợp). Do vậy, chúng tôi tin rằng, chỉ cần giáo viên nhắc nhở và sinh viên chú ý khi diễn đạt là có thể khắc phục được những lỗi này.

3.2.4. Các lỗi khác

Ở các lỗi này, chúng tôi thu thập được 2 dạng: lỗi về đại từ nhân xưng và lỗi câu mơ hồ.

Lỗi về đại từ nhân xưng, chúng tôi thu được các ví dụ sau:

(50) *Khi mình gặp khó khăn, anh ấy không giúp tôi.*

(51) *Cuộc sống của chúng tôi có nhiều người quan trọng: bố mẹ, bạn bè, đồng nghiệp,...*

(52) *Cuộc sống có nhiều người quan trọng: bố mẹ, bạn bè, đồng nghiệp. Chúng ta phải quan tâm đến chúng nó.*

Câu (50) sai do sinh viên sử dụng không thống nhất đại từ nhân xưng trong cùng một câu. Câu (51) đại từ “*chúng tôi*” nên sửa thành “*chúng ta*” với ý chỉ “mọi người”. Câu (52), “*chúng nó*” nên được sửa bằng “*họ*” dùng để gọi thay thế cho “bố mẹ, bạn bè, đồng nghiệp,...” ở về trước.

Ngoài ra, chúng tôi cũng thu được 3 trường hợp câu mơ hồ như sau:

(53) *Khi chúng tôi đọc một sách có nghĩa và sinh động, chúng tôi phải mang lại mình trong sách.*

(54) *Khi trải qua các nguy hiểm, khi cảm thấy vui vẻ, chúng tôi có thể cảm thấy những cảm xúc trong một phòng.*

(55) *Bạn nên sống đủ mỗi ngày của mình.*

Với những câu này, chúng tôi không thể xác định được ý nghĩa cụ thể mà sinh viên muốn truyền đạt. Tuy nhiên, số lượng những câu sai dạng này cũng rất nhỏ (3 trường hợp kể trên).

4. Kết luận

Thông qua khảo sát nhỏ này, chúng ta có thể nhận thấy, sinh viên Trung Quốc cũng thường mắc lỗi ngữ pháp khi diễn đạt tiếng Việt. Trong đó, lỗi về hư từ là lỗi phổ biến nhất, sau đó lần lượt là lỗi thiếu nòng cốt câu và lỗi sai trật tự trong ngữ đoạn/ trật tự thành phần câu. Điều đáng lưu tâm là nếu lỗi về trật tự ngữ đoạn và trật tự thành phần câu phần lớn khả năng là do chuyển di tiêu cực từ tiếng mẹ đẻ thì nguyên nhân dẫn đến lỗi về hư từ là do sinh viên chưa lĩnh hội đầy đủ kiến thức về hư từ

hoặc bị hiểu lầm, nhầm lẫn giữa các hư từ. Điều này đòi hỏi người giáo viên ngoài việc quan tâm đến giao thoa ngôn ngữ trong dạy học còn cần chú ý tìm ra những kỹ thuật, phương pháp giảng dạy nhằm phân biệt hiệu quả các hư từ này. Bên cạnh đó, các giáo viên cũng cần giới thiệu đến sinh viên văn hóa giao tiếp, văn hóa ứng xử của người Việt Nam để sinh viên hiểu và vận dụng tiếng Việt phù hợp với hoàn cảnh, với đối tượng giao tiếp, tránh những lỗi giao thoa văn hóa không đáng có.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Diệp Quang Ban (2009), *Ngữ pháp Việt Nam*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
2. Nguyễn Linh Chi (2009), *Lỗi ngôn ngữ của người nước ngoài học tiếng Việt (trên tư liệu lỗi từ vựng, ngữ pháp của người Anh, Mỹ)*, Luận án Tiến sĩ Ngôn ngữ học, Viện Ngôn ngữ học, Hà Nội.
3. Vũ Hoàng Phương Loan (2015), *Khảo sát lỗi ngữ pháp trong sử dụng tiếng Việt của sinh viên Trung Quốc tại một số trường Đại học ở Hà Nội*, Trường ĐHKHXHVV, ĐHQGHN.
4. Nguyễn Thiện Nam (2000), *Khảo sát lỗi ngữ pháp tiếng Việt của người nước ngoài và những vấn đề liên quan*, Luận án Tiến sĩ khoa học Ngữ văn, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN, Hà Nội.
5. Trần Hữu Trí (2022), *Tìm hiểu một số lỗi viết câu tiếng Việt của sinh viên Hàn Quốc trong bài viết luận theo chủ đề*, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia nghiên cứu và giảng dạy ngoại ngữ, ngôn ngữ và quốc tế học tại Việt Nam.

Tiếng Anh

6. S.P. Corder (1981), *Error Analysis and Interlanguage*, Oxford University Press.
7. S.P. Corder (1967), *The Significance of Learners' Errors*, International Review of Applied Linguistics in Language Teaching, 161-170.
8. Jack Richards, John Platt, Heidi Weber (1985), *Longman Dictionary of Applied Linguistics*, Longman.

Researching some Vietnamese grammatical errors of Chinese students through written assignments

Abstract: The article initially explores some Vietnamese grammatical errors of Chinese students through conducting a survey of 60 written assignments of 60 intermediate-level Chinese students studying at the Department of Vietnamese Studies - Hanoi University. Thereby, we hope to contribute a small collection to the error database of foreigners learning Vietnamese in general and Chinese people in particular, contributing to helping colleagues who are teaching Vietnamese as a foreign language understand more about the grammatical errors that Chinese students often make, thereby finding ways to help students comprehend Vietnamese better.

Key words: Vietnamese language errors of foreigners; errors of Chinese learners; grammatical errors; error analysis.